CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Tháng 03 năm 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 44 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Phú	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/05/2013)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2013) Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Ông Nguyễn Thiên Chương	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Trường.

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Nguyễn Văn Cựu
Chủ tịch

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Số: 26 /2014/UHYHCM - BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/03/2014, trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số tiền 44.115.625.000 đồng. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc cao hơn mệnh giá số tiền 17.921.875.000 đồng chưa được đánh giá trích lập dự phòng giảm giá. Chúng tôi không thu thập được các thông tin so sánh cần thiết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và cũng không thu thập được Báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư của khoản đầu tư dài hạn số tiền 44.115.625.000 đồng để làm cơ sở đánh giá giá trị của các khoản đầu tư dài hạn này của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như phần (tỷ lệ) sở hữu của Công ty trong tổng số vốn góp của các bên trong Công ty nhận đầu tư.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Hạn chế về phạm vi kiểm toán (tiếp)

Do các hạn chế nêu trên, Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của việc chưa xem xét trích lập dự phòng của các khoản mục đầu tư dài hạn cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Đồng thời chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đánh giá về hạn mức đầu tư theo quy định hiện hành.

Hạn chế do vấn đề về tuân thủ quy định pháp luật

Tại ngày 31/12/2013, giá trị đầu tư dài hạn của Công ty vào các công ty chưa niêm yết là: 127.403.125.000 đồng, chiếm 32,65% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2013 và phần lớn phát sinh trước năm 2013. Theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thành lập Công ty Chứng khoán ("Thông tư 210"), Công ty Chứng khoán không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết. Theo đó, giá trị vượt mức đầu tư theo quy định số tiền: 49.359.193.809 đồng.

Tại ngày 31/12/2013, giá trị đầu tư của Công ty vào cổ phiếu niêm yết mã STB là 69.697.250.005 đồng, giá trị ủy thác đầu tư cho các cá nhân với tài sản đảm bảo là cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 209.200.000.000 đồng. Theo đó, tổng giá trị các khoản đầu tư liên quan đến cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 278.897.250.005 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản Công ty tự đầu tư số tiền 13.953.873.205 đồng, tổng giá trị đầu tư thuần số tiền 264.943.376.800 đồng, chiếm 69,7% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2013. Bên cạnh đó, Công ty cũng ủy thác đầu tư cho một số cá nhân với tài sản đảm bảo là các cổ phiếu khác, tổng số tiền là 12.179.719.500 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210, các hoạt động ủy thác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Từ 15/01/2013 đến 31/12/2013, Công ty thực hiện ký mới hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và giải ngân cho khách hàng trong kỳ với số tiền là 917.222.030.400 đồng. Về bản chất, Công ty ký lại hợp đồng cung cấp dịch vụ trên cho các khách hàng vừa thanh lý hợp đồng cũ theo các điều khoản như trên hợp đồng cũ. Số dư phải thu khách hàng của hoạt động này tại ngày 31/12/2013 là: 343.999.679.302 đồng trong đó có 328.527.678.848 đồng được đảm bảo bằng 43.598.624 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động này tương ứng với số tiền là: 121.257.693.309 đồng và 112.301.749.041 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210, hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31/12/2013, giá trị đầu tư của Công ty vào Căn hộ Hoàng Anh Gia Lai số tiền 3.514.818.000 đồng. Giá trị đầu tư này phát sinh từ năm 2009, Công ty đã có kế hoạch thu hồi tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được. Hoạt động đầu tư này không được phép thực hiện theo quy định của Thông tư 210.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đang được lập trên giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, giả định này có thể bị thay đổi. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các Quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

S.Đ.K.H.Đ: 0102021062-001-C.T.N.H.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (TP. HÀ NỘI)
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Phan Thanh Điền	**Mai Việt Hùng**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHNKT	Giấy CNĐKHNKT
số 1496-2013-112-1	số 2334-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tp Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**679.563.992.622**	**2.152.630.799.207**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**39.165.910.305**	**18.888.334.525**
Tiền	111		39.165.910.305	18.888.334.525
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**55.749.655.365**	**87.233.199.189**
Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	69.707.241.998	106.861.894.429
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.1	(13.957.586.633)	(19.628.695.240)
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**6**	**583.849.420.091**	**2.045.404.021.391**
Phải thu của khách hàng	131		-	10.269.450
Trả trước cho người bán	132		1.149.232.000	159.639.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.1	4.740.051.268	23.193.164.574
Các khoản phải thu khác	138		603.489.919.395	2.037.371.900.917
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.2	(25.529.782.572)	(15.330.952.550)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**799.006.861**	**1.105.244.102**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		188.315.058	331.755.279
Tài sản ngắn hạn khác	158		610.691.803	773.488.823
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**157.087.507.673**	**163.353.757.364**
Tài sản cố định	**220**		**5.256.570.593**	**7.101.561.157**
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.973.760.807	5.176.973.472
- Nguyên giá	*222*		*19.064.430.117*	*20.098.848.384*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(15.090.669.310)*	*(14.921.874.912)*
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.282.809.786	1.924.587.685
- Nguyên giá	*228*		*4.689.660.821*	*4.307.000.321*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(3.406.851.035)*	*(2.382.412.636)*
Bất động sản đầu tư	**240**	**11**	**1.815.989.300**	**2.167.471.100**
- Nguyên giá	*241*		*3.514.818.000*	*3.514.818.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*242*		*(1.698.828.700)*	*(1.347.346.900)*
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**143.838.566.249**	**150.627.125.000**
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.3	20.000.000.000	25.824.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.4	127.403.125.000	124.803.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.1	(3.564.558.751)	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.176.381.531**	**3.457.600.107**
Chi phí trả trước dài hạn	261		263.549.123	446.597.761
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	7	2.849.832.408	2.010.927.346
Tài sản dài hạn khác	268	8	3.063.000.000	1.000.075.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**836.651.500.295**	**2.315.984.556.571**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**449.996.403.089**	**1.900.764.447.897**
Nợ ngắn hạn	**310**		**449.996.403.089**	**1.439.703.447.897**
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	436.561.000.000	223.793.465.064
Phải trả người bán	312		55.634.800	41.131.376
Người mua trả tiền trước	313		117.000.000	22.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	207.158.257	491.308.235
Phải trả người lao động	315		771.470.097	755.419.895
Chi phí phải trả	316	14	19.781.720	28.972.222.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	9.986.489.067	1.176.903.561.580
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	1.333.805.790	7.183.137.685
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		52.971.737	7.458.695
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	3.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		657.921.000	289.564.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		233.170.621	1.241.179.145
Nợ dài hạn	**330**		-	**461.061.000.000**
Vay và nợ dài hạn	334	17	-	461.061.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**386.655.097.206**	**415.220.108.674**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**386.655.097.206**	**415.220.108.674**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.786.350.257	1.417.993.257
Quỹ dự phòng tài chính	418		657.921.000	289.564.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		657.921.000	289.564.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(16.447.095.051)	13.222.987.417
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**836.651.500.295**	**2.315.984.556.571**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Chứng khoán lưu ký	**006**	**1.126.808.000.000**	**1.815.004.830.000**
Trong đó:			
Chứng khoán giao dịch	***007***	***543.728.100.000***	***1.455.918.620.000***
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.170.000	45.413.300.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	541.857.840.000	1.409.759.430.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.865.090.000	745.890.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	***012***	***847.460.000***	***2.205.460.000***
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	847.460.000	2.205.460.000
Chứng khoán cầm cố	***017***	***560.333.050.000***	***297.643.000.000***
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	32.408.940.000	-
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	527.924.110.000	297.643.000.000
Chứng khoán chờ thanh toán	***027***	***3.149.300.000***	***12.460.500.000***
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	3.149.300.000	12.460.500.000
Chứng khoán phong toả chờ rút	***032***	-	***1.935.000.000***
Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	034		1.935.000.000
Chứng khoán chờ giao dịch	***037***	***856.980.000***	***123.440.000***
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	80.000	210.000
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	856.900.000	123.230.000
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	***042***	***17.893.110.000***	***44.718.810.000***
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	17.893.110.000	44.718.810.000
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	**050**	**210.811.020.000**	-
Trong đó:			
Chứng khoán giao dịch	***051***	***210.811.020.000***	-
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	540.000	-
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	210.810.480.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Huỳnh Văn Tốt	Nguyễn Hữu Trường	Đinh Tuyết Mai
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu	**01**	**19**	**139.894.426.189**	**381.777.519.990**
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.744.690.819	9.801.621.320
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		9.198.748.781	82.125.030.366
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		94.545.455	182.286.566
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		554.752.577	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	01.7		23.556.000	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	49.903.030
Doanh thu khác	01.9		127.278.132.557	289.618.678.708
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**20**	-	**30.997.724**
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	**10**		**139.894.426.189**	**381.746.522.266**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	**14**		**139.894.426.189**	**381.746.522.266**
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	21	137.446.462.480	341.893.265.249
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	**20**		**2.447.963.709**	**39.853.257.017**
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	27.794.076.721	32.634.629.679
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(25.346.113.012)**	**7.218.627.338**
Thu nhập khác	31		145.456.765	148.514.731
Chi phí khác	32	24	1.091.386.250	17
Lợi nhuận khác	**40**		**(945.929.485)**	**148.514.714**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(26.292.042.497)**	**7.367.142.052**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(26.292.042.497)**	**7.367.142.052**
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**(657)**	**184**

Huỳnh Văn Tốt	**Nguyễn Hữu Trường**	**Đinh Tuyết Mai**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	**1**		**(26.292.042.497)**	**7.367.142.052**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		3.012.919.534	4.527.448.983
Các khoản dự phòng	3		8.092.280.166	27.391.287.333
Lãi hoạt động đầu tư	5		(12.108.644.377)	(82.380.601.340)
Chi phí lãi vay	6		130.263.732.365	312.821.696.399
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***8***		***102.968.245.191***	***269.726.973.427***
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	9		1.449.996.787.309	(233.328.026.839)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		(1.176.351.411.937)	731.197.294.055
Giảm chi phí trả trước	12		214.694.903	1.123.509.827
Tiền lãi vay đã trả	13		(159.235.954.587)	(238.201.095.444)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.020.345.263)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	5.441.824.930
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(5.759.593.368)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***217.592.360.879***	***529.180.541.325***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(921.430.224)	(892.521.057)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		145.454.545	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.154.316.600)	(202.026.971.800)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.109.054.475	271.191.037.651
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.799.917.769	49.788.253.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***50.978.679.965***	***118.059.797.984***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		306.500.000.000	200.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(554.793.465.064)	(920.952.589.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(248.293.465.064)***	***(720.952.589.923)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**20.277.575.780**	**(73.712.250.614)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**18.888.334.525**	**92.600.585.139**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**39.165.910.305**	**18.888.334.525**

Huỳnh Văn Tốt	**Nguyễn Hữu Trường**	**Đinh Tuyết Mai**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
				Năm 2012		Năm 2013			
		Tại 01/01/2012	Tại 01/01/2013	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tại 31/12/2012	Tại 31/12/2013
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn chủ sở hữu									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		1.128.429.257	1.417.993.257	289.564.000	-	368.357.000	-	1.417.993.257	1.786.350.257
Quỹ dự phòng tài chính		-	289.564.000	289.564.000	-	368.357.000	-	289.564.000	657.921.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	289.564.000	289.564.000	-	368.357.000	-	289.564.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.2	7.014.101.365	13.222.987.417	28.503.255.620	22.294.369.568	-	29.670.082.468	13.222.987.417	(16.447.095.051)
Cộng		**408.142.530.622**	**415.220.108.674**	**29.371.947.620**	**22.294.369.568**	**1.105.071.000**	**29.670.082.468**	**415.220.108.674**	**386.655.097.206**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần.

Trụ sở chính: Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh. Tại ngày 31/12/2013, Công ty có 01 chi nhánh: Chi nhánh Hà Nội, đặt tại tầng 5, số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên năm 2013 của Công ty là 84 người (năm 2012 là 75 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán; và
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Công ty tuân thủ Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 ngoại trừ việc áp dụng Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh (cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu repo và trái phiếu chuyển đổi) được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP)

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC nêu trên. Cụ thể như sau:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

  - Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

  - Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật như Công ty Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh... và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số tiền 44.115.625.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào "chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Trường hợp đánh giá các khoản công nợ có thể thu hồi được Công ty tiếp tục gia hạn nợ và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được áp dụng từ năm tài chính 2013, một trong các tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định là tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên (quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 là 10 triệu đồng trở lên). Do đó, trong năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản có giá trị dưới 30 triệu. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 8.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10
Phần mềm	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	1 - 5

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là giá trị nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

Doanh thu quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị thoả thuận hoặc theo phương pháp tính toán ghi trên từng hợp đồng. Doanh thu được ghi nhận hàng kỳ trên cơ sở phân bổ doanh thu của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hợp đồng.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh phản ánh thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu ngân hàng, được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích và được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư ra bên ngoài dưới hình thức đầu tư chứng khoán dài hạn hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức, số lãi được chia. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức hoặc lãi trái phiếu mà Công ty được chia trong thời gian nắm giữ các loại chứng khoán ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Thông tư số 06/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10/01/2012 áp dụng từ ngày 01/03/2012. Theo thông tư này thì hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của các sở hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Bộ Tài chính sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng mức thuế suất hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty đang áp dụng là 25%.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tiền mặt	102.086.946	429.636.634
Tiền gửi ngân hàng	39.063.823.359	18.458.697.891
Trong đó:		
+ Tiền gửi ngân hàng của Công ty	*30.888.533.073*	*14.623.453.519*
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	*8.175.290.286*	*3.835.244.372*
Cộng	**39.165.910.305**	**18.888.334.525**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**55.749.655.365**	**87.233.199.189**
Chứng khoán thương mại (5.3)	69.707.241.998	106.861.894.429
+ Chứng khoán niêm yết	*69.706.826.198*	*106.861.894.429*
+ Chứng khoán chưa niêm yết	*415.800*	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (5.1)	(13.957.586.633)	(19.628.695.240)
Đầu tư tài chính dài hạn	**143.838.566.249**	**150.627.125.000**
Chứng khoán sẵn sàng để bán (5.3)	20.000.000.000	25.824.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	*20.000.000.000*	*25.824.000.000*
Đầu tư dài hạn khác (5.4)	127.403.125.000	124.803.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (5.1)	(3.564.558.751)	-
Cộng	**199.588.221.614**	**237.860.324.189**

5.1 CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết	(13.957.586.633)	(19.628.695.240)
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(3.564.558.751)	-
Cộng	**(17.522.145.384)**	**(19.628.695.240)**

5.2 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2013

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Các giao dịch của công ty chứng khoán	**1.584.309**	**34.962.176.800**
Cổ phiếu	1.584.309	34.962.176.800
Các giao dịch của nhà đầu tư	**103.186.200**	**965.621.674.423**
Cổ phiếu	102.186.200	865.156.706.800
Trái phiếu	1.000.000	100.464.967.623
Cộng	**104.770.509**	**1.000.583.851.223**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá thị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	Tại 31/12/2013 CP	Tại 01/01/2013 CP	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
I. Chứng khoán thương mại	**3.241.473**	**4.541.351**	**69.707.241.998**	**106.861.894.429**	**1.427.635**	**1.283.335.811**	**(13.957.586.633)**	**(19.628.695.240)**	**55.751.083.000**	**88.516.535.000**
Chứng khoán niêm yết	**3.241.397**	**4.541.225**	**69.706.303.979**	**106.859.769.550**	**1.427.635**	**1.283.335.811**	**(13.956.681.614)**	**(19.626.831.161)**	**55.751.050.000**	**88.516.274.200**
Sàn GDCK Hà Nội	*243*	*1.948*	*3.420.947*	*30.481.643*	*108.800*	*369.300*	*(1.796.747)*	*(13.919.043)*	*1.733.000*	*16.931.900*
ACB	-	154	-	3.120.335	-	-	-	(610.135)	-	2.510.200
BVS	-	76	-	1.669.236	-	-	-	(772.436)	-	896.800
DC4	-	25	-	297.500	-	-	-	(122.500)	-	175.000
DCS	-	81	-	1.220.300	-	-	-	(928.700)	-	291.600
HBB	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
HBD	10	10	242.247	242.247	-	-	(130.247)	(137.247)	112.000	105.000
HDO	-	3	-	46.200	-	-	-	(25.500)	-	20.700
HMH	-	87	-	905.000	-	217.300	-	-	-	1.122.300
ICG	-	14	-	106.400	-	-	-	(12.600)	-	93.800
MAC	87	87	907.300	907.300	-	-	(472.300)	(602.800)	435.000	304.500
MIC	-	156	-	3.453.200	-	-	-	(1.503.200)	-	1.950.000
NGC	20	20	314.000	314.000	-	-	(40.000)	(54.000)	274.000	260.000
NHC	7	7	224.000	224.000	-	-	(77.700)	(91.000)	146.300	133.000
PGT	-	70	-	630.000	-	-	-	(392.000)	-	238.000
PLC	-	85	-	1.675.000	-	-	-	(289.500)	-	1.385.500
POT	-	18	-	237.936	-	-	-	(72.336)	-	165.600
PSC	-	20	-	552.000	-	-	-	(306.000)	-	246.000
PSI	-	75	-	900.000	-	-	-	(600.000)	-	300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá thị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	Tại 31/12/2013 CP	Tại 01/01/2013 CP	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
PVI	-	27	-	429.300	-	-	-	(18.900)	-	410.400
PVX	-	182	-	1.831.551	-	-	-	(830.551)	-	1.001.000
SD6	-	56	-	580.800	-	-	-	(228.000)	-	352.800
SD9	-	50	-	955.000	-	-	-	(580.000)	-	375.000
SHB	-	49	-	719.400	-	-	-	(430.300)	-	289.100
SHN	-	20	-	400.000	-	-	-	(376.000)	-	24.000
SJE	-	40	-	668.000	-	-	-	(352.000)	-	316.000
SSM	21	21	365.400	365.400	-	-	(178.500)	(237.300)	186.900	128.100
TKC	-	36	-	495.000	-	-	-	(347.400)	-	147.600
TPP	8	80	-	720.000	108.800	152.000	-	-	108.800	872.000
TTC	-	90	-	1.730.790	-	-	-	(1.253.790)	-	477.000
VCG	-	51	-	1.100.148	-	-	-	(666.648)	-	433.500
VCR	40	50	188.000	235.000	-	-	(88.000)	(95.000)	100.000	140.000
VE9	50	50	1.180.000	1.180.000	-	-	(810.000)	(915.000)	370.000	265.000
VGP	-	66	-	1.042.800	-	-	-	(231.000)	-	811.800
VND	-	66	-	1.353.000	-	-	-	(732.600)	-	620.400
VTC	-	26	-	174.800	-	-	-	(104.600)	-	70.200
Sàn GDCK TPHCM	***3.241.154***	***4.539.277***	***69.702.883.032***	***106.829.287.907***	***1.318.835***	***1.282.966.511***	***(13.954.884.867)***	***(19.612.912.118)***	***55.749.317.000***	***88.499.342.300***
ABT	2	2	81.800	81.800	-	3.200	(800)	-	81.000	85.000
AGR	1	1	12.500	12.500	-	-	(7.700)	(7.000)	4.800	5.500
BMC	12	12	189.600	189.600	294.000	393.600	-	-	483.600	583.200
CLC	9	9	153.900	153.900	121.500	-	-	(18.900)	275.400	135.000
CTG	4	4	84.800	84.800	-	-	(20.000)	(2.000)	64.800	82.800
DCT	5	5	44.000	44.000	-	-	(30.500)	(29.500)	13.500	14.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá thị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	Tại 31/12/2013 CP	Tại 01/01/2013 CP	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
DIG	6	6	217.200	217.200	-	-	(142.800)	(140.400)	74.400	76.800
DMC	6	6	171.000	171.000	112.800	3.000	-	-	283.800	174.000
DTL	5	5	100.000	100.000	-	-	(41.000)	(36.500)	59.000	63.500
EIB	9	9	130.412	130.412	-	10.888	(17.912)	-	112.500	141.300
GIL	5	5	105.000	105.000	34.000	55.000	-	-	139.000	160.000
GTT	3	3	29.556	29.556	6.444	-	-	(6.756)	36.000	22.800
HAX	7	7	76.200	76.200	-	-	(46.800)	(52.400)	29.400	23.800
HLG	5	5	51.000	51.000	-	-	(22.500)	(7.000)	28.500	44.000
HPG	11	6	321.500	176.500	130.600	-	-	(50.500)	452.100	126.000
HSG	2	2	33.400	33.400	49.200	5.000	-	-	82.600	38.400
ITA	2	2	29.829	29.829	-	-	(16.629)	(20.429)	13.200	9.400
ITC	5	5	110.500	110.500	-	-	(72.000)	(70.000)	38.500	40.500
KDC	6	6	247.000	247.000	59.000	-	-	(7.000)	306.000	240.000
LAF	1	1	22.800	22.800	-	-	(14.700)	(18.900)	8.100	3.900
LCG	2	2	15.600	15.600	-	200	(2.800)	-	12.800	15.800
MBB	1	1	26.180	26.180	-	-	(13.480)	(13.680)	12.700	12.500
PGC	2	2	30.400	30.400	-	-	(5.200)	(9.000)	25.200	21.400
PNJ	4	4	133.200	133.200	-	5.200	(10.800)	-	122.400	138.400
PVD	9	9	500.732	500.732	48.268	-	-	(163.232)	549.000	337.500
PVT	6	6	56.400	56.400	13.800	-	-	(31.800)	70.200	24.600
REE	6	6	94.677	94.677	82.923	4.923	-	-	177.600	99.600
SC5	27	25	420.800	420.800	200.200	-	-	(73.300)	621.000	347.500
SFC	8	8	230.400	230.400	-	-	(38.400)	(46.400)	192.000	184.000
SGT	5	5	53.500	53.500	-	-	(31.500)	(31.000)	22.000	22.500
SJS	5	5	285.000	285.000	-	-	(192.500)	(176.000)	92.500	109.000
STB	3.240.894	4.248.260	69.697.250.005	104.151.774.880	-	-	(13.953.873.205)	(19.611.400.880)	55.743.376.800	84.540.374.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá thị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	Tại 31/12/2013 CP	Tại 01/01/2013 CP	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
STG	1	1	23.100	23.100	-	-	(4.300)	(5.700)	18.800	17.400
SVC	-	290.770	-	2.672.065.000	-	1.282.407.000	-	-	-	3.954.472.000
TCM	6	6	128.400	128.400	-	-	(4.800)	(93.600)	123.600	34.800
TCR	7	7	57.200	57.200	-	-	(29.900)	(26.400)	27.300	30.800
TLH	7	7	106.074	106.074	-	-	(53.574)	(70.374)	52.500	35.700
TMS	1	1	26.200	26.200	2.100	-	-	(2.000)	28.300	24.200
TNA	6	6	159.000	159.000	-	-	(15.000)	(67.800)	144.000	91.200
TS4	10	6	159.400	119.400	-	-	(64.400)	(66.000)	95.000	53.400
VCB	4	4	110.567	110.567	-	-	(3.367)	(1.767)	107.200	108.800
VIC	9	7	481.500	481.500	148.500	78.500	-	-	630.000	560.000
VPH	5	5	119.000	119.000	-	-	(76.500)	(96.500)	42.500	22.500
VSH	5	5	58.500	58.500	15.500	-	-	(7.000)	74.000	51.500
VTO	18	18	145.200	145.200	-	-	(31.800)	(62.400)	113.400	82.800
UPCOM	***22***	***72***	***522.219***	***1.709.079***	***-***	***-***	***(489.219)***	***(1.608.279)***	***33.000***	***100.800***
VSP	22	72	522.219	1.709.079	-	-	(489.219)	(1.608.279)	33.000	100.800
OTC	***54***	***54***	***415.800***	***415.800***	***-***	***-***	***(415.800)***	***(255.800)***	***-***	***160.000***
MCV	4	4	50.800	50.800	-	-	(50.800)	(50.800)	-	-
SVS	50	50	365.000	365.000	-	-	(365.000)	(205.000)	-	160.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá thị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	Tại 31/12/2013 CP	Tại 01/01/2013 CP	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
II. Chứng khoán đầu tư	**200**	**304**	**20.000.000.000**	**25.824.000.000**	-	-	-	-	**20.000.000.000**	**25.824.000.000**
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	**200**	**304**	**20.000.000.000**	**25.824.000.000**	-	-	-	-	**20.000.000.000**	**25.824.000.000**
+ Chứng chỉ quỹ	200	304	20.000.000.000	25.824.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000	25.824.000.000
- Quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (*)	200	200	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Quỹ đầu tư Chứng khoán Bản Việt	-	104	-	5.824.000.000	-	-	-	-	-	5.824.000.000
Cộng	**3.241.673**	**4.541.655**	**89.707.241.998**	**132.685.894.429**	**1.427.635**	**1.283.335.811**	**(13.957.586.633)**	**(19.628.695.240)**	**75.751.083.000**	**114.340.535.000**

(*) Tại ngày 20/01/2014 Công ty đã nhận hoàn trả một phần vốn góp vào quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt do quỹ đầu tư thu hẹp quy mô, số tiền: 10 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.4 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2013 CP	Tại 01/01/2013 CP	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Đầu tư dài hạn khác	**10.948.125**	**10.688.125**	**127.403.125.000**	**124.803.125.000**
Công ty CP Nhà An Phú (APH)	316.250	256.250	8.287.500.000	7.687.500.000
Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà (*)	100.000	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP ôtô Đô Thành	1.300.000	1.300.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty CP Thời Trang Việt (*)	151.875	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000
Công ty CP Liên Minh (*)	1.000.000	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Viễn Thông Đô Thành	400.000	400.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP TM Đầu tư Đô Thành (*)	2.180.000	2.180.000	21.800.000.000	21.800.000.000
Công ty CP Đầu tư BĐS Đô Thành	4.300.000	4.100.000	43.000.000.000	41.000.000.000
Cộng	**10.948.125**	**10.688.125**	**127.403.125.000**	**124.803.125.000**

(*) Các khoản đầu tư dài hạn này chưa được đánh giá giá trị để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2013			Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2013			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Phải thu của khách hàng	10.269.450	-	-	60.000.000	70.269.450	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	159.639.000	-	-	2.713.919.906	1.724.326.906	1.149.232.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	23.193.164.574	-	-	866.229.731.669	884.682.844.975	4.740.051.268	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	*23.193.164.574*	-	-	*866.229.731.669*	*884.682.844.975*	*4.740.051.268*	-	-	-
4. Phải thu khác	2.037.371.900.917	-	24.715.646.500	1.283.072.529.234	2.716.954.510.756	603.489.919.395	-	31.477.216.156	25.529.782.572
- HĐ Repo	*200.000.000*	-	*200.000.000*	-	*200.000.000*	-	-	-	-
- HĐ cầm cố chứng khoán	*24.107.000.000*	-	*5.607.000.000*	*93.450.000.000*	*117.557.000.000*	-	-	-	-
- HĐ HTĐT chứng khoán niêm yết	*23.783.717.500*	-	*12.358.646.500*	*4.732.444.000*	*13.044.161.046*	*15.472.000.454*	-	*15.472.000.454*	*13.491.777.572*
- HĐ HTĐT CK chưa niêm yết (1)	*1.578.642.166.834*	-	-	*942.325.794.400*	*2.192.440.282.386*	*328.527.678.848*	-	-	-
- HĐ ủy thác đầu tư (2)	*334.196.786.496*	-	*3.600.000.000*	*133.395.736.290*	*226.073.840.500*	*241.518.682.286*	-	-	-
- Phải thu khác của nhà đầu tư (3)	*76.442.131.087*	-	*2.950.000.000*	*104.279.506.007*	*164.716.421.392*	*16.005.215.702*	-	*16.005.215.702*	*12.038.005.000*
- Phải thu khác - tài sản chờ xử lý (4)	-	-	-	*4.888.664.537*	*2.922.652.432*	*1.966.012.105*	-	-	-
- Phải thu khác	*99.000*	-	-	*384.000*	*153.000*	*330.000*	-	-	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	*(15.330.952.550)*	-	-	*12.179.709.375*	*(1.980.879.353)*	*(5.132.122.528)*	-	-	-
Cộng	**2.045.404.021.391**	-	**24.715.646.500**	**2.164.255.890.184**	**3.601.451.072.734**	**604.247.080.135**	-	**31.477.216.156**	**25.529.782.572**

(1) Trong năm, Công ty ký hợp đồng hợp tác hỗ trợ các nhà đầu tư mua chứng khoán của các ngân hàng theo chỉ định cụ thể của Công ty trong từng hợp đồng hợp tác. Công ty cung cấp vốn, sử dụng các chứng khoán trên làm tài sản đảm bảo và hưởng lãi từ các nhà đầu tư theo hợp đồng. Đồng thời, chứng khoán được mua sẽ được phong tỏa tại Công ty Chứng khoán của Ngân hàng có thỏa thuận hợp tác. Đến thời điểm 31/12/2013 số dư khoản phải thu của hoạt động này số tiền 328.527.678.848 đồng được đảm bảo bởi 43.598.624 cổ phiếu LVS (Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt) trong các tài khoản cá nhân của nhà đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt.

(2) Công ty ký hợp đồng ủy thác cho cá nhân thực hiện đầu tư trong đó Công ty cung cấp vốn và hưởng lãi suất cố định với tài sản đảm bảo là 25.345.652 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín), 1.500.000 cổ phiếu ACI (Công ty CP Đầu tư An Cư) và 3.000.000 cổ phần phổ thông của Công ty CP Tập đoàn Intimex. Trong đó số phải thu được đảm bảo bằng cổ phiếu STB có giá trị 209.200.000.000 đồng. Ngoài ra, trong số dư có khoản phải thu của Công ty CP Ô tô Đô Thành số tiền 20.138.962.786 đồng. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/2013/BBH-HĐQT ngày 25/12/2013 của Công ty và Hợp đồng ủy thác đầu tư số 63/2011/HĐUTĐT-BSI ngày 01/08/2011, Công ty ủy thác cho Công ty CP Ô tô Đô Thành thực hiện đầu tư vào Dự án xây dựng, khai thác và kinh doanh Cao ốc văn phòng hoặc khách sạn, bất động sản tại số 81 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP Hồ Chí Minh để làm trụ sở văn phòng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP)

(3) Chủ yếu là lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết.

(4) Tiền chuyển vào tài khoản tạm giữ của Công an theo Công văn số 829/CAHK/ĐTTH ngày 31/07/2013 để khắc phục hậu quả sai phạm của nhân viên môi giới. Hiện vụ án vẫn đang được tiếp tục điều tra.

6.1 PHẢI THU KHÁCH HÀNG VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	6.185.929.593
Phải thu phí bán của khách hàng	6.387.459	17.828.621
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	777.657.637	9.740.936.278
Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ	3.956.006.172	7.248.470.082
Cộng	**4.740.051.268**	**23.193.164.574**

6.2 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Số dư đầu năm	(15.330.952.550)	(2.803.500.000)
Số sử dụng trong năm	1.980.879.353	-
Số trích lập trong năm	(12.179.709.375)	(12.527.452.550)
Số dư cuối năm	**(25.529.782.572)**	**(15.330.952.550)**

7. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	1.500.739.651
Tiền nộp bổ sung	2.250.397.707	315.686.498
Tiền lãi phân bổ	475.222.426	194.501.197
Cộng	**2.849.832.408**	**2.010.927.346**

8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.063.000.000	1.000.075.000
Cộng	**3.063.000.000**	**1.000.075.000**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2013	**5.678.970.184**	**5.033.672.265**	**3.254.841.877**	**11.478.500**	**6.119.885.558**	**20.098.848.384**
Tăng do mua mới	150.000.000	-	-	-	350.354.224	500.354.224
Thanh lý, nhượng bán	-	(410.686.000)	-	-	-	(410.686.000)
Giảm khác (*)	(14.935.360)	(87.132.062)	-	(11.478.500)	(1.010.540.569)	(1.124.086.491)
Tại 31/12/2013	**5.814.034.824**	**4.535.854.203**	**3.254.841.877**	**-**	**5.459.699.213**	**19.064.430.117**
HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại 01/01/2013	**(2.767.256.696)**	**(4.340.185.153)**	**(1.754.455.207)**	**(2.125.647)**	**(6.057.852.209)**	**(14.921.874.912)**
Trích KH trong năm	(555.492.003)	(511.679.420)	(411.671.577)	(1.913.082)	(117.827.753)	(1.598.583.835)
Thanh lý, nhượng bán	-	337.349.211	-	-	-	337.349.211
Giảm khác (*)	8.089.978	72.368.918	-	4.038.729	1.007.942.601	1.092.440.226
Tại 31/12/2013	**(3.314.658.721)**	**(4.442.146.444)**	**(2.166.126.784)**	**-**	**(5.167.737.361)**	**(15.090.669.310)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	**2.911.713.488**	**693.487.112**	**1.500.386.670**	**9.352.853**	**62.033.349**	**5.176.973.472**
Tại 31/12/2013	**2.499.376.103**	**93.707.759**	**1.088.715.093**	**-**	**291.961.852**	**3.973.760.807**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 428.936.662 đồng.
(*) Giảm tài sản không còn đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Website công ty VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2013	**3.852.232.840**	**168.955.500**	**285.811.981**	**4.307.000.321**
Tăng do mua mới	421.076.000	-	-	421.076.000
Giảm khác (*)	-	-	(38.415.500)	(38.415.500)
Tại 31/12/2013	**4.273.308.840**	**168.955.500**	**247.396.481**	**4.689.660.821**
HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại 01/01/2013	**(1.927.645.155)**	**(168.955.500)**	**(285.811.981)**	**(2.382.412.636)**
Trích KH trong năm	(1.062.853.899)	-	-	(1.062.853.899)
Giảm khác (*)	-	-	38.415.500	38.415.500
Tại 31/12/2013	**(2.990.499.054)**	**(168.955.500)**	**(247.396.481)**	**(3.406.851.035)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2013	**1.924.587.685**	**-**	**-**	**1.924.587.685**
Tại 31/12/2013	**1.282.809.786**	**-**	**-**	**1.282.809.786**

(*) Giảm tài sản không còn đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2013	**3.514.818.000**	**3.514.818.000**
Tại 31/12/2013	**3.514.818.000**	**3.514.818.000**
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2013	**(1.347.346.900)**	**(1.347.346.900)**
- Trích KH trong năm	(351.481.800)	(351.481.800)
Tại 31/12/2013	**(1.698.828.700)**	**(1.698.828.700)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2013	**2.167.471.100**	**2.167.471.100**
Tại 31/12/2013	**1.815.989.300**	**1.815.989.300**

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 01/01/2013 VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Tại 31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	**223,619,465,064**	**306,500,000,000**	**422,619,465,064**	**107,500,000,000**
Vay ngắn hạn Ngân hàng	14,850,000,000	306,500,000,000	213,850,000,000	107,500,000,000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (1)	*14,850,000,000*	*306,500,000,000*	*213,850,000,000*	*107,500,000,000*
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	208,769,465,064	-	208,769,465,064	-
+ Ngân hàng TMCP Nam Á (2)	*208,769,465,064*	-	*208,769,465,064*	-
Vay dài hạn đến hạn trả	**174,000,000**	**329,061,000,000**	**174,000,000**	**329,061,000,000**
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	-	329,000,000,000	-	329,000,000,000
+ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (3)	-	*329,000,000,000*	-	*329,000,000,000*
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	174,000,000	61,000,000	174,000,000	61,000,000
Cộng	**223,793,465,064**	**635,561,000,000**	**422,793,465,064**	**436,561,000,000**

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng số 0093/068/2013/HĐTD ngày 12/12/2013 với số gốc vay 107.500.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay 12%/năm và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 12/12/2013 đến 12/12/2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu STB (xem chi tiết tại thuyết minh số 25).

(2) Khoản vay theo hợp đồng mua trái phiếu số 02/TP-BSI & NAB ngày 24/02/2010 giữa Công ty CP Chứng khoán Beta và Ngân hàng TMCP Nam Á. Số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 300.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 300 tỷ đồng. Mục đích sử dụng nguồn thu: sử dụng cho hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán. Lãi suất thả nổi. Tiền lãi được trả một lần cho nhà đầu tư vào ngày đáo hạn của trái phiếu.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu 20/11/TP-BSI ngày 29/6/2011và Hợp đồng mua trái phiếu 21/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 giữa Công ty CP Chứng khoán BETA (Bên phát hành) và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Nhà đầu tư). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 385.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 385 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn thu về từ đợt phát hành được tổ chức phát hành sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được Ngân hàng TMCP Liên Việt chấp thuận. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm, đáo hạn vào ngày 30/06/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Thuế GTGT	1.536.365	5.500.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	205.621.892	485.808.235
Cộng	**207.158.257**	**491.308.235**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Trích trước chi phí lãi trái phiếu	-	28.972.222.222
Trích trước chi phí quản lý cổ đông	19.781.720	-
Cộng	**19.781.720**	**28.972.222.222**

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	38.176.128	114.607.388
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.773.022.653	1.172.953.709.820
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Liên Việt (1)	-	*27.300.000.000*
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Gia Định SG (1)	-	*41.000.000.000*
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Southernbank SG (1)	-	*14.000.000.000*
Phải trả cổ tức công ty BETA	*1.466.400.000*	*1.466.400.000*
Phải trả Công ty Cổ phần đầu tư Huy Khánh	-	*5.800.000.000*
Phải trả khác cho nhà đầu tư	*306.622.653*	*98.602.320*
Phải trả cho nhà đầu tư (2)	-	*1.083.288.707.500*
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.175.290.286	3.835.244.372
Cộng	**9.986.489.067**	**1.176.903.561.580**

(1) Công ty đứng ra xác nhận số dư chứng khoán hiện có của nhà đầu tư để ngân hàng cho nhà đầu tư vay, sử dụng chứng khoán hiện làm tài sản thế chấp. Công ty quản lý chứng khoán theo yêu cầu của Ngân hàng.

(2) Công ty ký hợp đồng hợp tác về tư vấn tài chính và khai thác, sử dụng tài sản với Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam. Theo đó, Công ty thực hiện nghiệp vụ tư vấn tài chính cũng như tư vấn, môi giới, đầu tư về chứng khoán nhằm cơ cấu lại nợ tồn đọng hoặc xử lý tài sản của các đối tượng theo chỉ định Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam. Các nhà đầu tư này được Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam chỉ định cụ thể trong phụ lục hợp đồng đã ký kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	20.533.444	273.967.017
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	60.756.346	85.856.668
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1.252.516.000	6.823.314.000
Cộng	**1.333.805.790**	**7.183.137.685**

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 01/01/2013 VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Tại 31/12/2013 VND
Vay dài hạn ngân hàng	**61,000,000**	**-**	**61,000,000**	**-**
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	61,000,000	-	61,000,000	-
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	**461,000,000,000**	**-**	**461,000,000,000**	**-**
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (1)	361,000,000,000	-	361,000,000,000	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (2)	100,000,000,000	-	100,000,000,000	-
Cộng	**461,061,000,000**	**-**	**461,061,000,000**	**-**

(1) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu 20/11/TP-BSI ngày 29/6/2011và Hợp đồng mua trái phiếu 21/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 giữa Công ty CP Chứng khoán BETA (bên phát hành) và Ngân hàng TMCP Liên Việt (Nhà đầu tư). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 385.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 385 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn thu về từ đợt phát hành được tổ chức phát hành sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được Ngân hàng TMCP Liên Việt chấp thuận. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm, đáo hạn vào ngày 30/06/2014. Lãi suất thả nổi. Tiền lãi được trả 3 tháng/lần vào cuối kỳ trả lãi. Tại 31/12/2013 toàn bộ số gốc còn lại của khoản vay số tiền 329.000.000.000 đồng đã được phân loại lại sang chỉ tiêu vay ngắn hạn trên Báo cáo tài chính.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu số 01/TP-BSI&GDB/2011 ngày 10/5/2011 giữa Công ty CP chứng khoán Beta và Ngân hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 20 trái phiếu, với tổng giá trị là 200 tỷ đồng. Kỳ hạn trái phiếu là 24 tháng, đáo hạn vào ngày 16/05/2013. Lãi suất 18%/năm, thay đổi 3 tháng/lần theo thoả thuận giữa hai bên. Tiền lãi được trả vào ngày đáo hạn trái phiếu cùng với tiền gốc của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Theo đăng ký kinh doanh		Tại 31/12/2013
	Số vốn cam kết góp	Tỷ lệ	Số vốn thực góp
	VND	%	VND
Ông Nguyễn Văn Cựu	106.497.660.000	26,62%	106.497.660.000
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	73.843.300.000	18,46%	73.843.300.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hân	51.130.000.000	12,78%	51.130.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	36.850.000.000	9,21%	36.850.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	33.000.000.000	8,25%	33.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000
Bà Phan Thị Yên Hà	25.925.000.000	6,48%	25.925.000.000
Các cổ đông khác	42.754.040.000	10,69%	42.754.040.000
Cộng	**400.000.000.000**	**100%**	**400.000.000.000**

18.2 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM

	Năm 2013	Năm 2012
	Số tăng/(giảm)	Số tăng/(giảm)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(368.357.000)	(289.564.000)
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	(368.357.000)	(289.564.000)
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(368.357.000)	(289.564.000)
- Trích quỹ khen thưởng	(368.357.000)	(289.564.000)
- Chi phí truy thu thuế (*)	(1.904.611.971)	-
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế tăng trong năm	(26.292.042.497)	7.367.142.052
Cộng	**(29.670.082.468)**	**6.208.886.052**

(*) Chi phí truy thu thuế theo quyết định số 1376/QĐ-CT-TTr2 ngày 15/04/2013 về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, niên độ thanh tra: năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.744.690.819	9.801.621.320
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	9.198.748.781	82.125.030.366
- Cổ tức nhận được	*4.567.035.613*	*11.431.212.645*
- Chênh lệch lãi bán khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn	*4.631.713.168*	*70.693.817.721*
Doanh thu lưu ký chứng khoán	554.752.577	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	94.545.455	182.286.566
Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	23.556.000	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	49.903.030
Doanh thu khác	127.278.132.557	289.618.678.708
Cộng	**139.894.426.189**	**381.777.519.990**

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	30.997.724
Cộng	**-**	**30.997.724**

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	703.011.468	2.384.642.036
Phí Lưu ký chứng khoán	770.728.335	703.779.723
Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn	2.368.298.431	3.696.152.054
Chi phí trả lãi tiền vay	130.263.732.365	312.821.696.399
Chi phí dự phòng	(2.106.549.856)	14.863.834.783
Chi phí tư vấn, môi giới	40.000.000	58.822.900
Chi phí khác	5.407.241.737	7.364.337.354
Cộng	**137.446.462.480**	**341.893.265.249**

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.303.376.539	6.676.031.433
Chi phí vật liệu quản lý	247.022.094	278.177.073
Chi phí đồ dùng văn phòng	178.026.913	796.168.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.640.238.206	3.180.102.083
Thuế phí, lệ phí	130.569.650	72.337.620
Chi phí dự phòng	10.198.830.022	12.527.452.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.450.267.732	6.978.628.491
Chi phí bằng tiền khác	1.645.745.565	2.125.732.417
Cộng	**27.794.076.721**	**32.634.629.679**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(26.292.042.497)**	**7.367.142.052**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(2.518.356.042)	(10.688.560.922)
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*2.048.679.571*	*742.651.723*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	*(4.567.035.613)*	*(11.431.212.645)*
Tổng thu nhập chịu thuế	(28.810.398.539)	(3.321.418.870)
Thuế suất thuế TNDN	25,00%	25,00%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**-**

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí phạt vi phạm thuế (*)	1.018.040.461	-
Chi phí khác	73.345.789	17
Cộng	**1.091.386.250**	**17**

(*) Chi phí phạt thuế theo quyết định số 1376/QĐ-CT-TTr2 ngày 15/04/2013 về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, niên độ thanh tra: năm 2008, 2009, 2010 và 2011.
1.018.040.461 đồng.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các Cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.13.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

	31/12/2013 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.165.910.305	18.888.334.525
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	55.749.655.365	87.233.199.189
- Cổ phiếu niêm yết	*55.749.239.565*	*87.233.199.189*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*415.800*	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	582.700.188.091	2.045.244.382.391
Đầu tư chứng khoán dài hạn	20.000.000.000	25.824.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	129.751.398.657	127.814.127.346
	827.367.152.418	**2.305.004.043.451**
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	436.561.000.000	684.854.465.064
Phải trả người bán	55.634.800	41.131.376
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.333.805.790	7.183.137.685
Chi phí phải trả	19.781.720	28.972.222.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.001.284.676	1.176.799.412.887
	447.971.506.986	**1.897.850.369.234**
Trạng thái ròng	**379.395.645.432**	**407.153.674.217**

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty sử dụng các tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0093/068/2013/HĐTD ngày 12/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và công ty CP Chứng khoán BETA, bao gồm:10.009.300 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) trong đó:

- 3.240.894 cổ phiếu STB do Công ty đứng tên sở hữu.
- 5.598.825 cổ phiếu STB do Bà Phạm Thị Ngọc Quyên đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 419.600 cổ phiếu STB do Bà Lê Nguyễn Tường Vy đứng tên sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 375.850 cổ phiếu STB do Bà Nguyễn Thị Hải đứng tên sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 212.461 cổ phiếu STB do Bà Đỗ Thị Hồng đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 161.670 cổ phiếu STB do Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo là: 145.134.850.000 đồng.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO (TIẾP)

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty ký các cam kết mua lại cổ phiếu với chính các tổ chức phát hành đối với cổ phiếu có trong tài khoản của các cá nhân đang hợp tác thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và cầm cố chứng khoán, cụ thể: thực hiện ký hợp đồng cam kết mua lại với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt đối với 43.598.624 cổ phiếu LVS . Đối với các hợp đồng ủy thác đầu tư cho các cá nhân, tài sản thế chấp là 25.345.652 cổ phiếu mã STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín), 1.500.000 cổ phiếu ACI (Công ty CP Đầu tư An Cư) và 3.000.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Vay và nợ	-	436.561.000.000	-	436.561.000.000
Phải trả người bán	55.634.800	-	-	55.634.800
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.333.805.790	-	-	1.333.805.790
Chi phí phải trả	19.781.720	-	-	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	10.001.284.676	-	-	10.001.284.676
	11.410.506.986	**436.561.000.000**	**-**	**447.971.506.986**
01/01/2013				
Vay và nợ	-	223.793.465.064	461.061.000.000	684.854.465.064
Phải trả người bán	41.131.376	-	-	41.131.376
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.183.137.685	-	-	7.183.137.685
Chi phí phải trả	-	28.972.222.222	-	28.972.222.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	1.176.799.412.887	-	-	1.176.799.412.887
	1.184.023.681.948	**252.765.687.286**	**461.061.000.000**	**1.897.850.369.234**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.165.910.305	-	-	39.165.910.305
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	55.749.655.365	-	-	55.749.655.365
Các khoản phải thu ngắn hạn	582.700.188.091	-	-	582.700.188.091
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	5.912.832.408	-	123.838.566.249	129.751.398.657
	683.528.586.169	**-**	**143.838.566.249**	**827.367.152.418**
01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.888.334.525	-	-	18.888.334.525
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	87.233.199.189	-	-	87.233.199.189
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.045.244.382.391	-	-	2.045.244.382.391
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	25.824.000.000	25.824.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	3.011.002.346	-	124.803.125.000	127.814.127.346
	2.154.376.918.451	**-**	**150.627.125.000**	**2.305.004.043.451**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND
Ngân hàng TMCP Nam Á	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay	10.401.472.894
		Trả nợ vay trái phiếu	208.769.465.064
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, thành viên HĐQT, Ban Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán	3.035.393.000
		Giá trị giao dịch bán chứng khoán	539.669.000
Bà Phan Thị Yên Hà	Cổ đông lớn	Giá trị giao dịch mua chứng khoán	1.648.810.000
		Giá trị giao dịch bán chứng khoán	3.196.010.000
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán	4.639.780.000
		Giá trị giao dịch bán chứng khoán	7.212.258.000
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán	1.130.860.000
		Giá trị giao dịch bán chứng khoán	977.402.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay	21.814.751.024
		Vay ngắn hạn	306.500.000.000
		Trả nợ vay	213.850.000.000
		Trả nợ vay trái phiếu	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay	38.009.205.479
		Vay bằng trái phiếu	-
		Trả nợ vay trái phiếu	32.000.000.000
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Giá trị giao dịch bán chứng khoán	26.781.136.000
		Chuyển tiền ủy thác đầu tư	63.948.300.000
		Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	67.148.300.000
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Chuyển tiền ủy thác đầu tư	40.000.000.000
		Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	6.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	423.341.740	347.811.312
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.343.200.923	736.040.000
	1.766.542.663	**1.083.851.312**

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Tại 31/12/2013 Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	107.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giao dịch lớn	Số dư trái phiếu phát hành	-	329.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	Thành viên HĐQT	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.198.994.455	-
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	47.000.000.000	-
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	240.691.803	-
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	200.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN KHÁC

Công ty ký hợp đồng hợp tác về việc Tư vấn tài chính và khai thác, sử dụng tài sản với hạn mức là 1.200 tỷ đồng với Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam ("Công ty Phương Nam"). Ngày 03/12/2012, Công ty ký Phụ lục hợp đồng hợp tác về việc Công ty Phương Nam chuyển cho Công ty, số tiền 1.011.238.000.000 đồng cho một số khách hàng do Công ty Phương Nam chỉ định và các khách hàng này dùng cổ phiếu PNB (Ngân hàng TMCP Phương Nam) làm tài sản đảm bảo cho khoản nợ này. Số cổ phiếu làm tài sản đảm bảo được phong tỏa và quản lý tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam. Số tiền nhận của Công ty Phương Nam đang được phản ánh tại khoản mục phải trả khác và số tiền giải ngân cho các nhà đầu tư do Công ty Phương Nam chỉ định đang được phản ánh ở khoản mục phải thu khác trên Báo cáo tài chính năm 2012. Đến năm 2013, Công ty đã loại trừ các khoản theo dõi này trên danh mục Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 của Công ty và thực hiện theo dõi riêng, số dư các khoản còn phải thu hộ, trả hộ tại 31/12/2013 số tiền 569.995.446.478 đồng.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.

Huỳnh Văn Tốt	**Nguyễn Hữu Trường**	**Đinh Tuyết Mai**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014